

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Xây dựng số 9 - VC9

Ngày 30/09/2025	4,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-7.0%	-2.4%	-

DT thuần Q3/25
62.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 35.7 134%
YoY: ▲ 13.3 27.0%

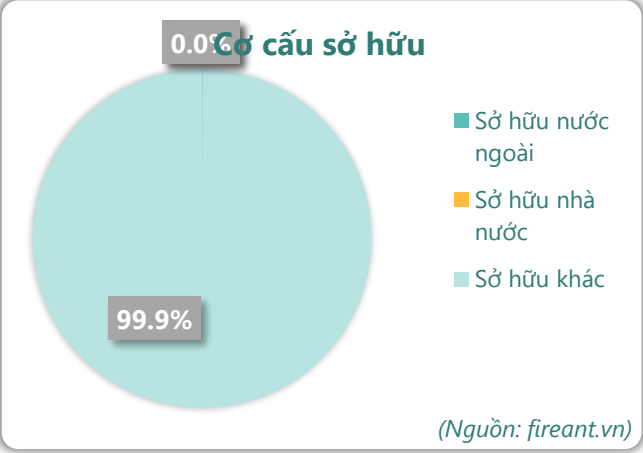
LN thuần Q3/25
0.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01 16.9%
YoY: ▼0.52 -88.1%

LN sau thuế Q3/25
0.21
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.01 -5.8%
YoY: ▲ 0.15 245%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
2.2%
YoY: +/-▼ 4.2%

ROE (TTM) Q3/25
1.2%
YoY: +/-▲ 0.2%

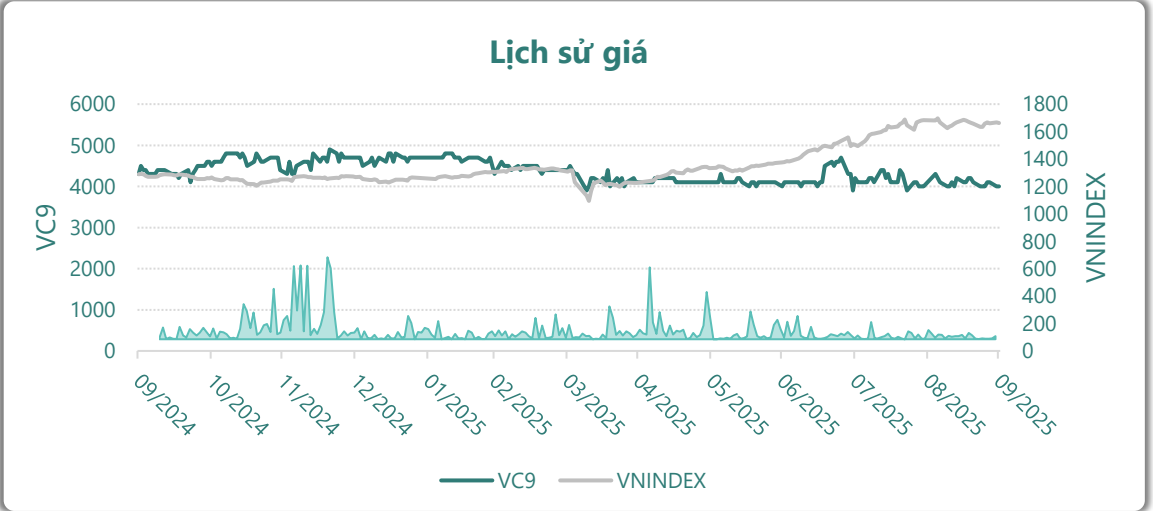
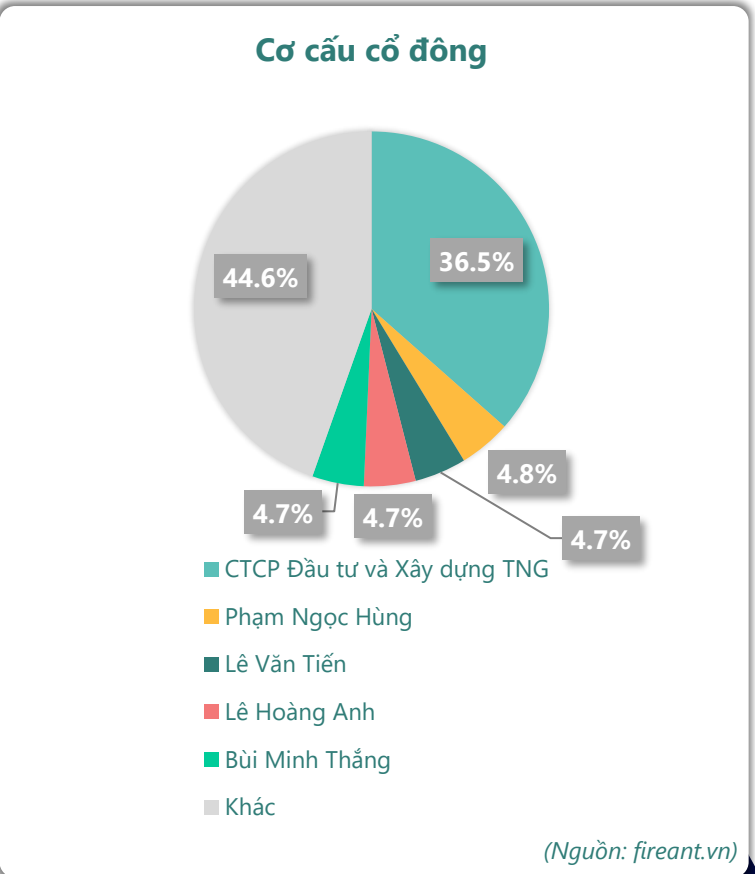
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	3,900 - 4,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	67
Số lượng CPLH (CP)	16,695,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,230
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.35
EPS	47
P/E	84.7



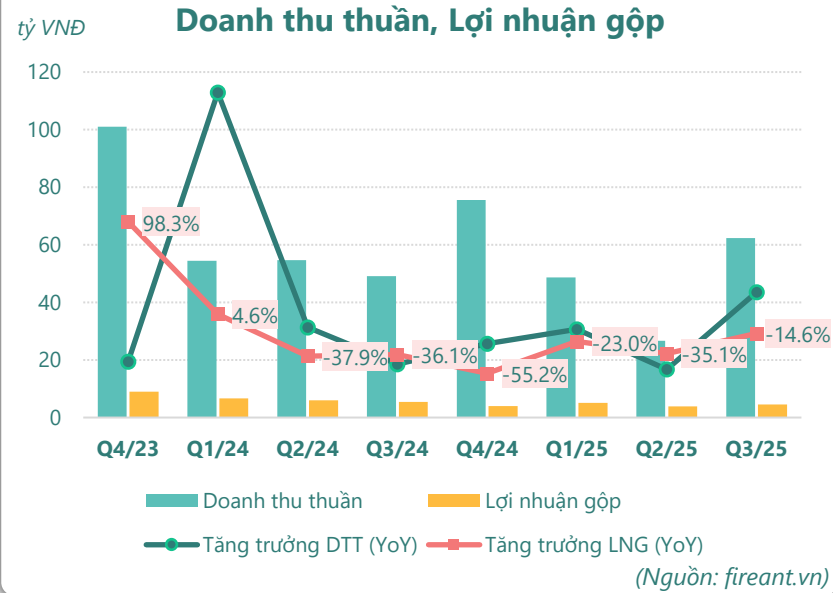
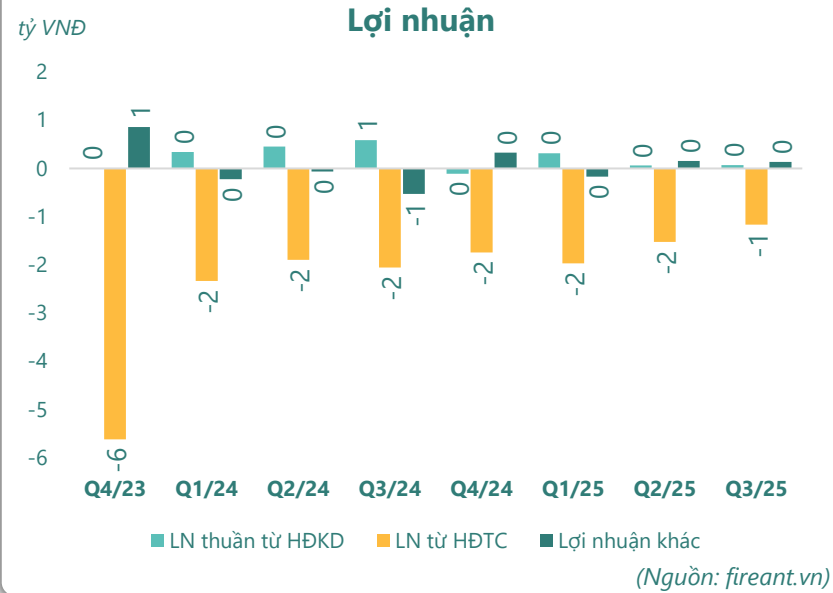
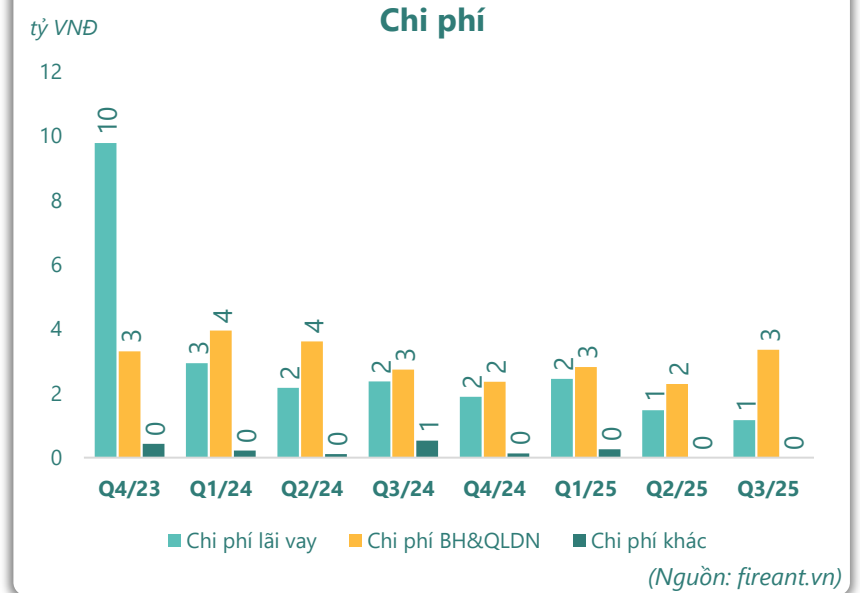
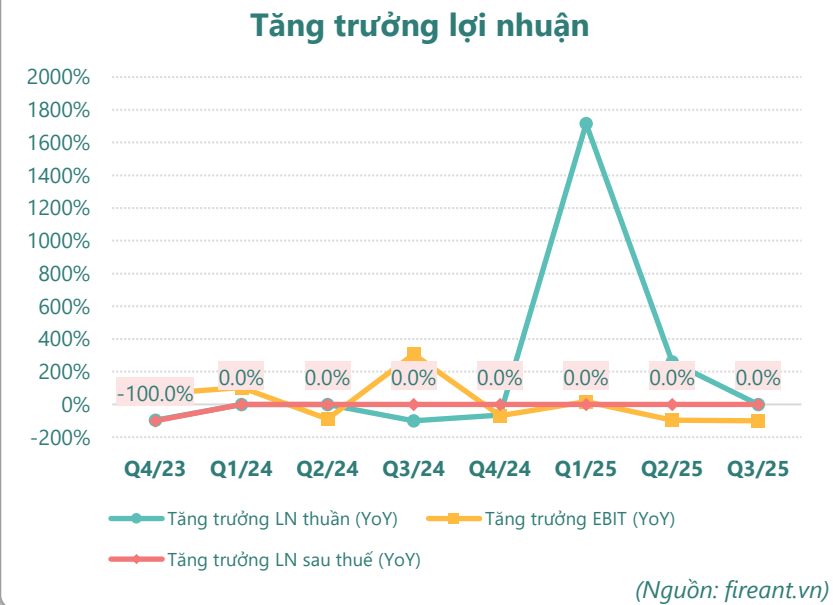
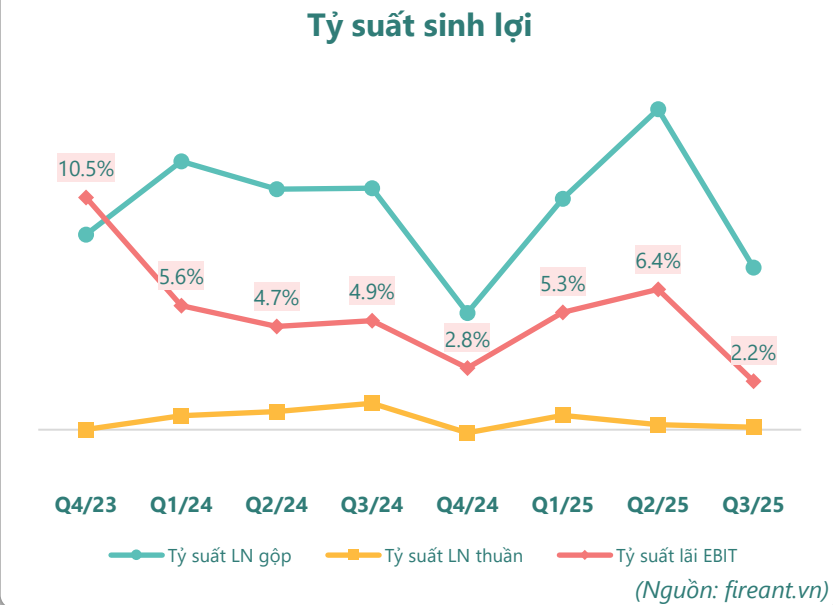
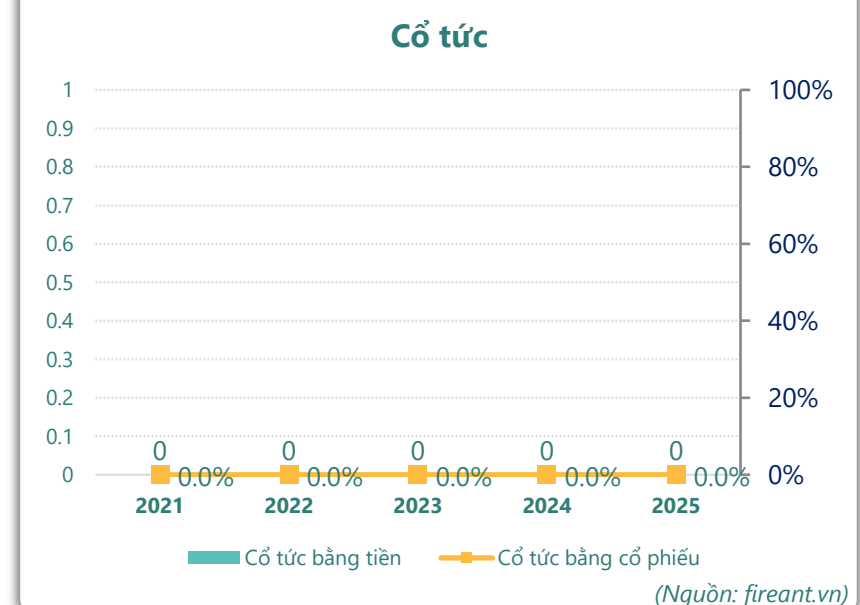
DT thuần 9T 2025
138
tỷ VNĐ
YoY: ▼20.0 -12.9%

LN thuần 9T 2025
0.45
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.93 -67.7%

LN sau thuế 9T 2025
0.57
tỷ VNĐ

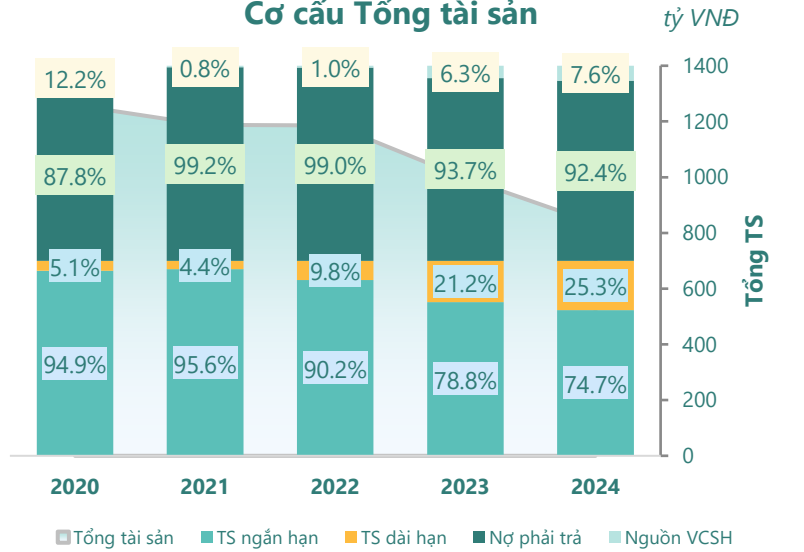


KẾT QUẢ KINH DOANH



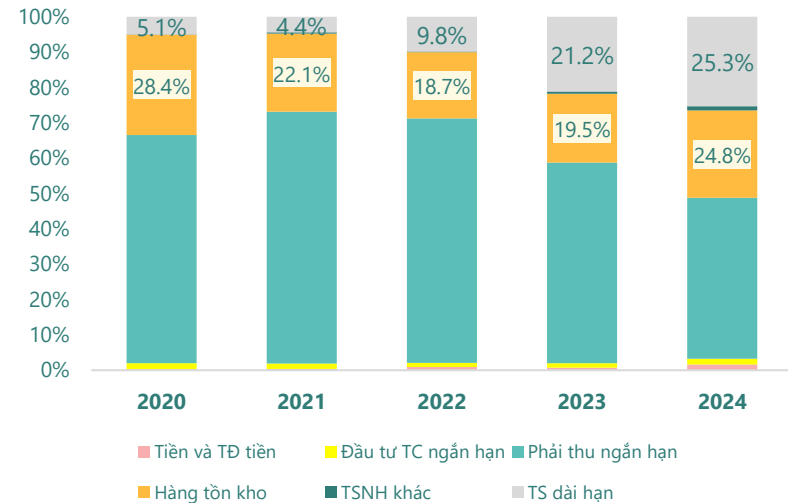
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



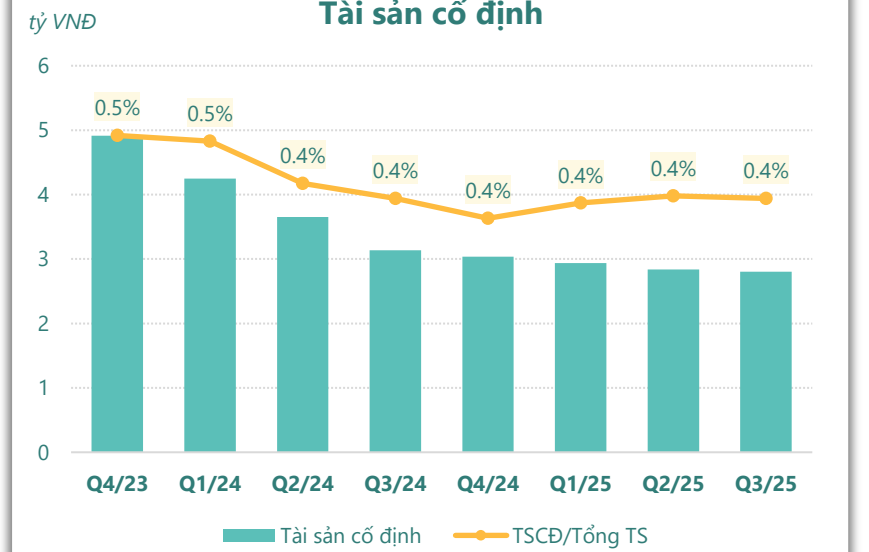
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



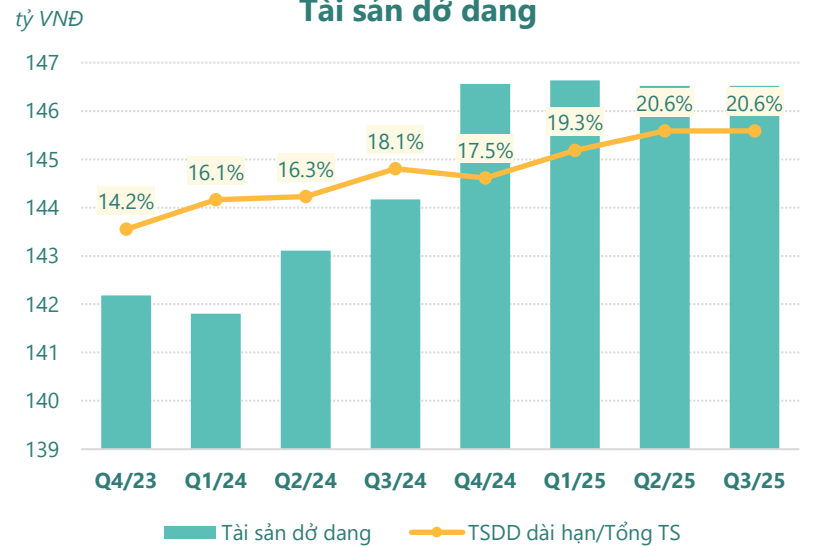
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



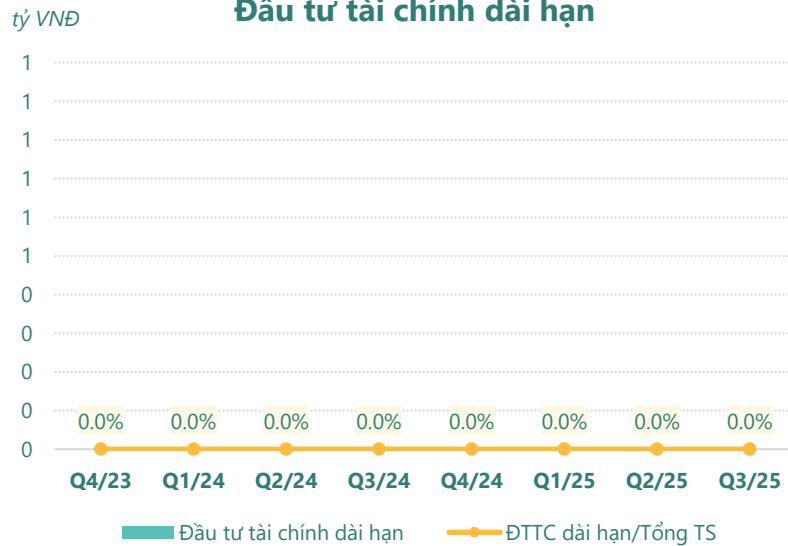
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



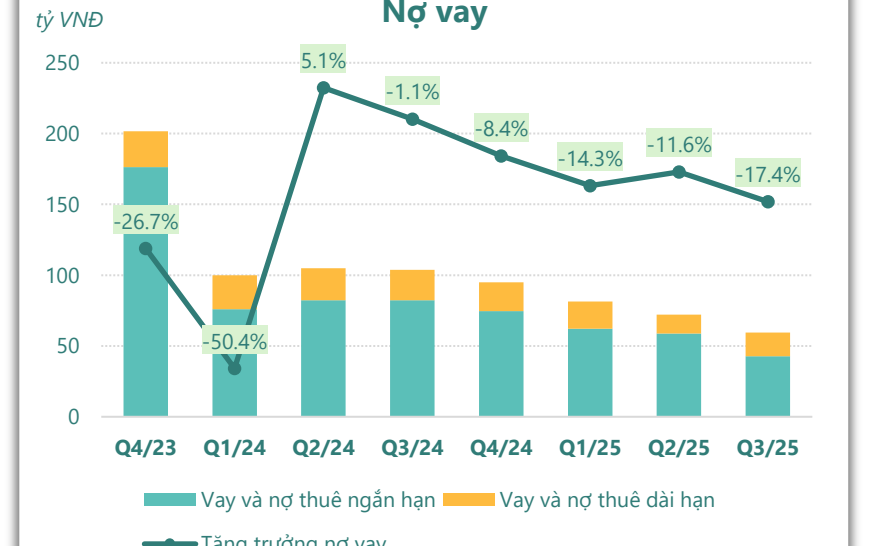
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



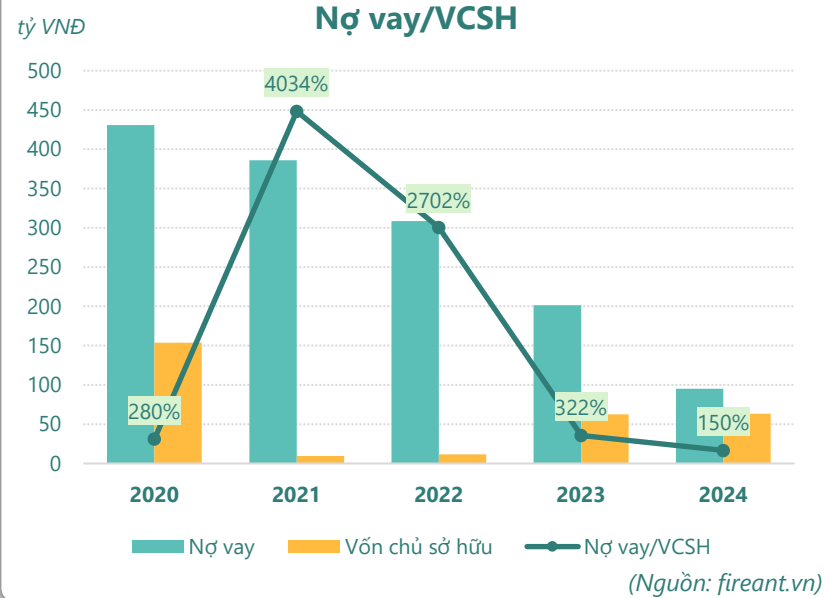
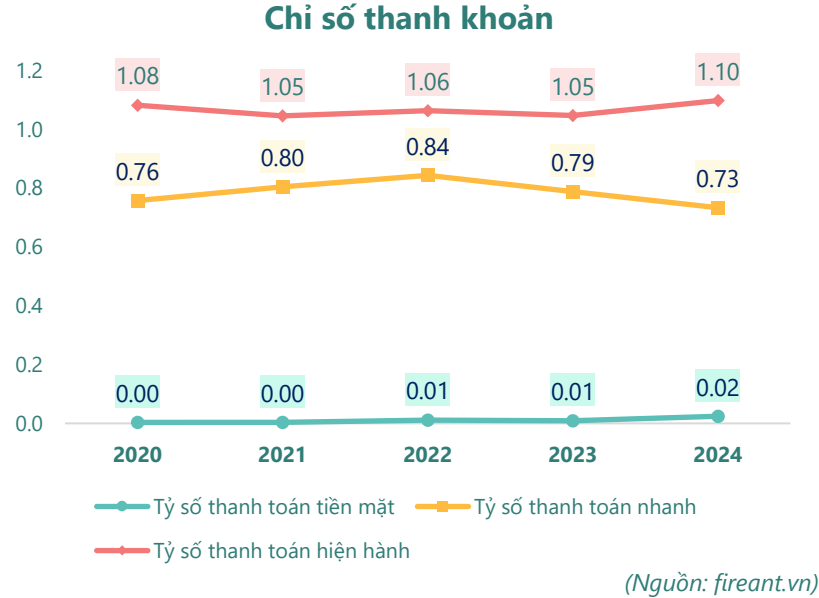
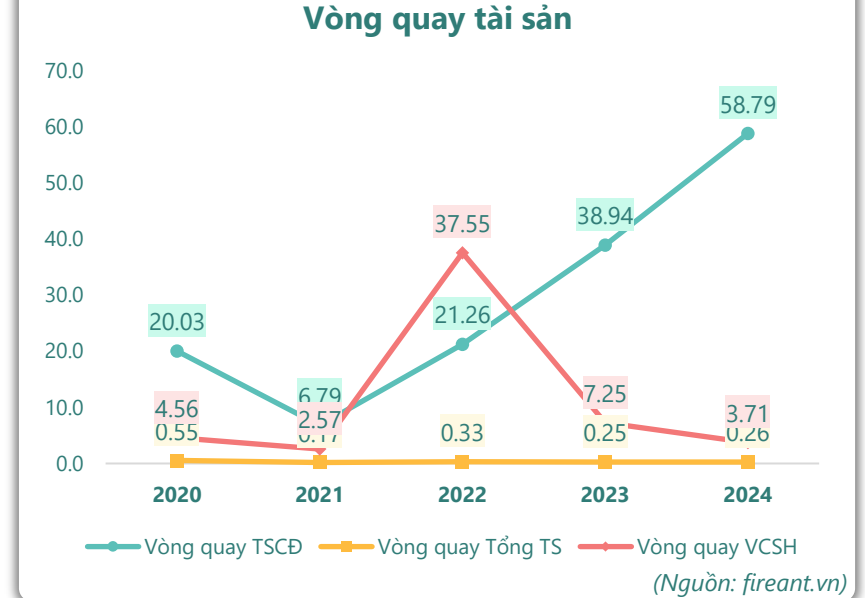
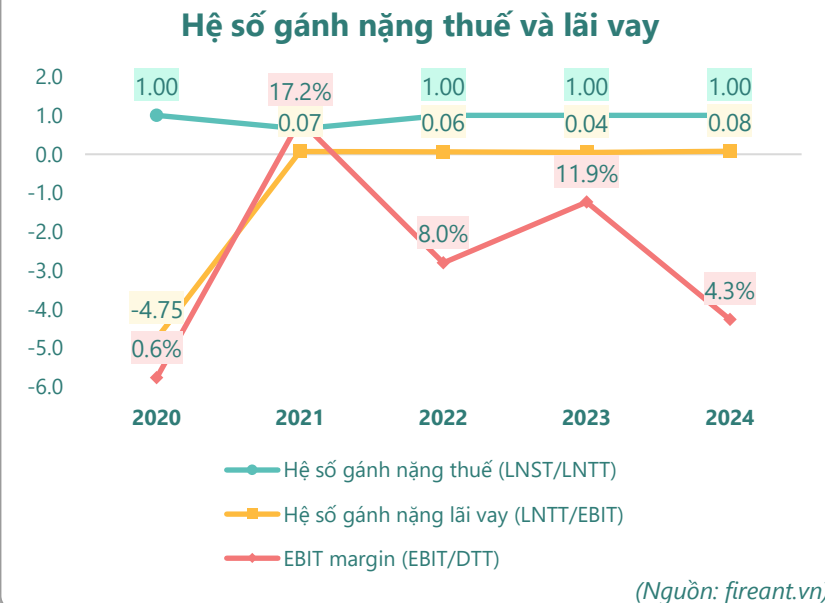
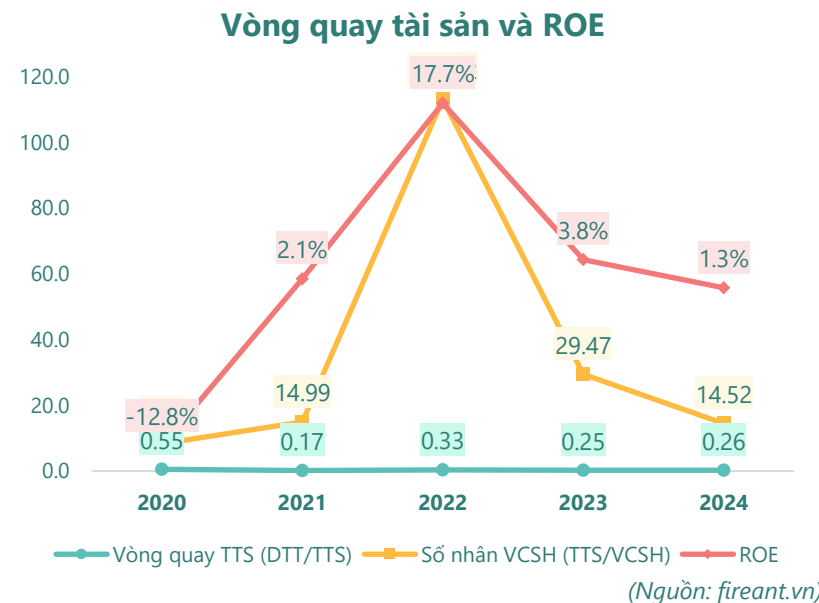
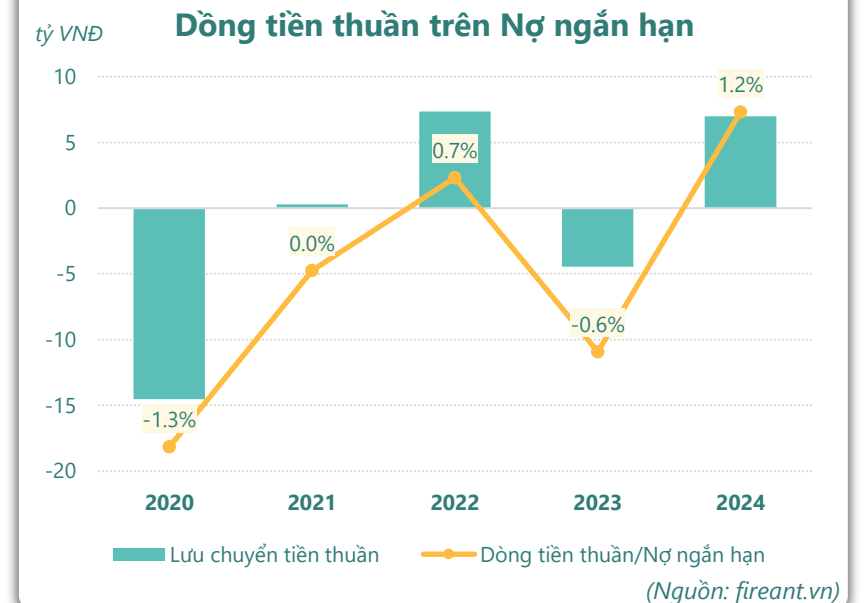
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	62.4	49.1	27.0%	138	158	-12.9%
Giá vốn hàng bán	57.8	43.7	32.2%	124	140	-11.5%
Lợi nhuận gộp	4.59	5.38	-14.6%	13.6	18.0	-24.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.32	-99.4%	0.44	1.20	-63.3%
Chi phí TC	1.17	2.37	-50.8%	5.09	7.48	-31.9%
Chi phí lãi vay	1.17	2.37	-50.8%	5.09	7.48	-31.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	3.36	2.74	22.6%	8.47	10.3	-17.9%
LN thuần từ HĐKD	0.07	0.59	-88.1%	0.45	1.38	-67.7%
Lợi nhuận khác	0.14	-0.53	126%	0.12	-0.81	115%
LN trước thuế	0.21	0.06	245%	0.57	0.57	-0.2%
Lợi nhuận sau thuế	0.21	0.06	245%	0.57	0.57	-0.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.21	0.06	245%	0.57	0.57	-0.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.9	-15.0	20.1	-2.78	-0.86	17.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	4.31	15.5	0.48	7.55	5.98	-0.07
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	5.07	-1.19	-8.77	-13.6	-9.41	-12.6
Tiền đầu kỳ	5.21	2.67	1.97	13.7	4.93	0.64
Lưu chuyển tiền thuần	-2.54	-0.70	11.8	-8.82	-4.29	5.12
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.67	1.97	13.7	4.93	0.64	5.76

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	712	834	-14.7%
Tài sản ngắn hạn	503	623	-19.3%
Tiền và tương đương tiền	5.76	13.7	-58.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.40	13.3	-97.0%
Phải thu ngắn hạn	312	380	-17.8%
Hàng tồn kho	179	207	-13.6%
Tài sản ngắn hạn khác	5.86	9.78	-40.1%
Tài sản dài hạn	209	211	-1.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	2.81	3.03	-7.6%
Bất động sản đầu tư	6.25	6.39	-2.2%
Tài sản dở dang	147	147	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	53.3	54.9	-2.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	648	771	-16.0%
Nợ ngắn hạn	489	568	-13.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	42.7	74.6	-42.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	205	214	-4.2%
Nợ dài hạn	159	203	-21.8%
Vay và nợ thuê dài hạn	16.8	20.4	-17.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	64.0	63.4	0.9%
Vốn chủ sở hữu	64.0	63.4	0.9%
Vốn điều lệ	170	170	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

